TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2018.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Bùi Bích Thuỷ
Ông Trương Xuân Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLS-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên toà số 36/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị S, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, vắng mặt.
Cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phùng Thị S trình bày: Chị và anh Lê Văn T được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương năm 1996 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên anh T hay đánh đập chị và đến năm 2016 chị bỏ đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Phùng Thị S và anh Lê Văn T và có 02 con tên là Lê Ngọc C, sinh ngày 17/9/1997 và Lê Tuấn M, sinh ngày 01/7/2000. Khi ly hôn

do cháu C đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không yêu cầu Toà án giải quyết, còn cháu M muốn ở với ai do cháu tự quyết định. Nếu chị S được trực tiếp nuôi cháu M thì chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phùng Thị S tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Lê Văn T trình bày trong các lời khai như sau:

Anh và chị S được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương năm 1995 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, nay chị S xin ly hôn anh T cũng nhất trí.

Về con chung: Anh Lê Văn T và Chị Phùng Thị S có 02 con tên là Lê Ngọc C, sinh ngày 17/9/1997 và Lê Tuấn M, sinh ngày 01/7/2000. Khi ly hôn do cháu C đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không yêu cầu Toà án giải quyết, còn cháu M anh T nhận trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu mà tuỳ theo khả năng của chị S.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn T tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền về lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tuân theo pháp luật của Thư ký và Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị Phùng Thị S và anh Lê Văn T về chung sống với nhau tự nguyện năm 1995 và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Svà anh T là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

[4] Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành ngày 01/01 /2015 quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại

khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[5] Như vậy chị S và anh T chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay không có đăng ký kết hôn, nay chị S có đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Đối chiếu với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của chị S là có căn cứ cần được chấp nhận.

[6] Về nuôi con chung: Chị Phung Thị S và anh Lê Văn T có 02 con tên là Lê Ngọc C, sinh ngày 17/9/1997 và Lê Tuấn M, sinh ngày 01/7/2000. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của cháu M và anh T cũng nhận trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phùng Thị S và anh Lê Văn T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Chị Phùng Thị S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là đúng pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; các Điều 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 72; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Phùng Thị S và anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 01/7/2000, chị Phùng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000864, ngày 02/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnhYên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đăng Ninh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đăng Ninh

Nơi nhận
- TAND tỉnhYên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Lạc;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đăng Ninh

Nơi nhận
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Lục Yên;
- THA DS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Luật;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh

Nơi nhận
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Lục Yên;
- THA DS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Thắng;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đăng Ninh

Nơi nhận
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Lục Yên;
- THA DS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Thắng;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh